

2

NGUYỄN MINH THUYẾT (Chủ biên)  
NGUYỄN VĂN HIỆP

# TIẾNG VIỆT Thực hành

Học  
& NV



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

NGUYỄN MINH THUYẾT (Chủ biên)  
NGUYỄN VĂN HIỆP

# TIẾNG VIỆT Thực hành



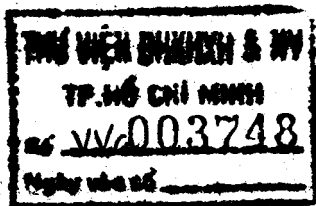
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

NGUYỄN MINH THUYẾT (Chủ biên)

NGUYỄN VĂN HIỆP

# TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH

(in lần thứ hai)



## LỜI NÓI ĐẦU

**Tiếng Việt thực hành** (hay **Thực hành tiếng Việt**) là môn học được đưa vào dạy ở đại học đã lâu, nhưng cho tới gần đây vẫn chưa có chương trình và cách dạy thống nhất. Có người dạy theo hướng chấm chữa các bài cụ thể kiểu tập làm văn cho sinh viên và không phải không gặt hái được những thành công nhất định. Tuy nhiên, hướng này không tạo ra được chương trình cũng như chuẩn kiến thức - kỹ năng thống nhất trong cả nước, và thành công của nó phụ thuộc chủ yếu vào tài năng của từng ông thầy. Ngược lại với hướng trên, nhiều người thiên về dạy những kiến thức sơ giản về tiếng Việt, tức là theo mô hình của một giáo trình lý thuyết. Cách làm này không có tác dụng phát triển kỹ năng thực hành tiếng cho sinh viên, đồng thời cũng gây lãng phí thì giờ và tiền bạc, vì hai lẽ: Lẽ thứ nhất là sinh viên đã được học kiến thức lý thuyết về tiếng Việt khá kỹ ở bậc phổ thông, không cần học lại nữa (Tính riêng số tiết Tiếng Việt ở trường trung học đã là 264 tiết, lớn hơn tổng số tiết lý thuyết cơ bản về tiếng Việt dành cho sinh viên khoa Ngôn ngữ học Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội hiện nay). Lẽ thứ hai là: mỗi khoá học, trong hàng triệu sinh viên cả nước, chắc chỉ có vài nghìn sinh viên sẽ chọn ngành ngữ văn và cần đến kiến thức lý thuyết ngôn ngữ học; đối với số còn lại, cái sẽ đi theo họ suốt đời không phải kiến thức lý thuyết, mà là kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Tóm lại, cả hai hướng dạy Thực hành tiếng Việt trước đây đều có những hạn chế cần được khắc phục.

Giáo trình ra mắt bạn đọc hôm nay dành cho sinh viên các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ, được viết theo chương trình môn học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 1995,

với một số điều chỉnh về chi tiết nhờ những kinh nghiệm mà chúng tôi rút ra được qua một năm đưa chương trình vào giảng dạy tại Đại học Quốc gia Hà Nội và một số cơ sở đào tạo khác.

Mục tiêu của giáo trình là giúp sinh viên phát triển các kỹ năng sử dụng tiếng Việt, chủ yếu là *đọc* và *viết* tài liệu khoa học - hai *kỹ năng* *lời nói* cần thiết nhất để sinh viên chiếm lĩnh các tri thức chuyên môn trong nhà trường. Thông qua việc rèn luyện kỹ năng lời nói cho sinh viên, giáo trình còn nhằm mục tiêu góp phần cùng các môn học khác phát triển ở người học một tư duy khoa học vững vàng.

Thế theo mục tiêu nói trên, giáo trình **Thực hành tiếng Việt** chọn dạy những vấn đề thiết thực nhất đối với việc tiếp nhận và tạo lập văn bản viết trong nhà trường. Nội dung này được phân bố thành hai chương, theo hướng đi từ đơn vị giao tiếp tự nhiên và hoàn chỉnh nhất là văn bản đến những đơn vị bộ phận của nó, từ những kỹ thuật chung nhất đến những thao tác cụ thể, từ yêu cầu tối thiểu đến yêu cầu nâng cao. Có thể hình dung hướng phát triển của nội dung ấy trên những nét lớn như sau:

Chương I. Tạo lập và tiếp nhận văn bản (30 tiết). Chương này dẫn dắt người học đi từ những kỹ năng chung nhất về tạo lập và tiếp nhận văn bản đến kỹ thuật viết luận văn và tiểu luận khoa học trong nhà trường.

Chương II. Rèn luyện kỹ năng đặt câu và dùng từ (15 tiết). Chương này dạy chữa các lỗi thường gặp về đặt câu và dùng từ trong văn bản, nhằm giúp người học có ý thức và kiến thức để viết đúng.

Cuối sách có một phần phụ lục để sinh viên tham khảo thêm, bao gồm: các biện pháp chữa lỗi chính tả, quy tắc viết hoa, quy tắc phiên âm tiếng nước ngoài.

Ở mỗi chương, mỗi phần, chúng tôi đều trình bày tóm tắt những tri thức cần nhất cho sự rèn luyện kỹ năng và đưa ra các

bài tập thực hành. Tri thức trình bày ở đây không phải là những định nghĩa, phân loại, trích dẫn người này người kia mang tính kinh viện, mà là những cảm nang để giải bài tập thực hành. Phần tri thức, sinh viên có thể nghe giảng hay tự đọc. Nhưng phần bài tập thì nhất thiết mỗi người phải tự làm lấy. Cũng giống như muốn có cơ thể khoẻ mạnh, phải tự mình rèn luyện, tập tành, muốn có kỹ năng tốt, không thể trông cậy vào điều gì khác ngoài sự rèn luyện nghiêm túc, thường xuyên.

Chúng tôi hy vọng tập giáo trình này giúp ích được các thầy, các cô giảng dạy tiếng Việt và các bạn trẻ đang có nguyện vọng làm chủ lời ăn tiếng nói của mình đang làm chủ khoa học, làm chủ xã hội. Xin chân thành cảm ơn trước về mọi sự góp ý để những lần xuất bản sau, tập sách được hoàn chỉnh hơn.

Chủ biên

**GS. Nguyễn Minh Thuyết**

# TẠO LẬP VÀ TIẾP NHẬN VĂN BẢN

## 1.1. TẠO LẬP VĂN BẢN.

Trong đời sống hàng ngày, chúng ta bắt gặp nhiều loại văn bản: một thông tư của chính phủ, một báo cáo tổng kết, một biên bản cuộc họp, một bản luận văn, một bài phê bình hay giới thiệu văn học v.v... Mỗi văn bản có thể xem là một tập hợp các câu được tổ chức xoay quanh một **chủ đề** nào đó, nhằm vào một định hướng giao tiếp nhất định. Văn bản có thể đơn giản hay phức tạp ở những mức độ khác nhau. Văn bản phức tạp thường bao gồm nhiều **đoạn văn**, mỗi đoạn văn như vậy mang một **chủ đề bộ phận** nằm trong **chủ đề chung** của văn bản.

Các loại văn bản có thể có kết cấu khác nhau, chẳng hạn một bản hợp đồng kinh tế khác với một bản cáo phó, một bản tóm tắt luận văn khoa học khác với một bài phê bình văn học... Nhưng nếu không kể một vài loại văn bản đặc thù thì về đại thể một văn bản thường có ba phần chính:

- phần mở đầu
- phần khai triển
- phần kết thúc.

**Phần mở đầu** thường gồm một số nhận định khái quát về những vấn đề sẽ được trình bày, nêu lên chủ đề chung và các chủ đề bộ phận. Đồng thời trong phần này cũng có thể nêu vấn đề, phương hướng hay những nguyên tắc được chọn làm cơ sở để giải quyết vấn đề. Phần này cần viết sao cho gọn và hấp dẫn, kêu gọi được sự chú ý và hứng thú ở người đọc.

Đây là phần mở đầu của một bài viết về stress và những vấn đề có liên quan:

*Nhịp sống hiện nay không rời tay với ai. Tiếng ồn, nạn kẹt xe, sự chạy đua với thời gian, những lo lắng cho ngày mai, những sự gò ép gia tăng... Không nhiều thì ít, chúng ta đều bị stress. Trong trí chúng ta, điều này có nghĩa là bị căng thẳng, làm việc quá sức, bị đặt dưới áp lực. Thật ra, còn có nhiều điều mà mỗi người trong chúng ta, tuy có liên hệ, nhưng đôi khi vô tình không nhận thấy.*

(Theo Trịnh Đình Khôi - Những hiểu biết về stress)

**Phân khai triển** có thể gồm một hay nhiều đoạn văn, dài hay ngắn khác nhau tùy thuộc vào số lượng các chủ đề bộ phận, mức độ phức tạp của vấn đề định trình bày. Các đoạn văn này được sắp xếp theo một trật tự lô gích nào đó và được liên kết với nhau về mặt hình thức. Phần này cần viết mạch lạc, các ý phát triển hợp lý, sao cho người đọc có thể tiếp thu chúng dễ dàng nhất.

Đây là phần khai triển của bài báo trên:

*Stress ở mức thấp có thể là chất kích thích tự nhiên, nhưng ở mức độ cao sẽ trở thành độc hại. Stress là phản ứng của cơ thể trước một tình huống khác thường, hoặc khó khăn, trước sự gò ép từ môi trường chung quanh, vì vậy, đó là phản ứng đương đầu, đối phó.*

Vấn đề là ở chỗ có loại stress "tốt, có lợi", và loại stress "xấu, có hại".

*Một tin vui, một sự sung sướng đưa đến đột ngột, làm phát sinh loại stress tốt, giúp chúng ta tỉnh táo chuẩn bị mọi việc trong cuộc sống. Cũng còn thêm một dạng stress tốt, giúp chúng ta giữ được bình tĩnh, gan dạ, phản ứng sáng suốt trước một thử thách, mặc dù trong lúc ấy lòng chúng ta thật sự có một cơn giông bão. Các hormon, nhất là adrenaline được phóng ra, kích*



thích cơ thể ngay lập tức. Máu chạy nhanh trong cơ bắp và trong não, tăng thêm sức mạnh cơ thể, động viên tối đa sức chú ý.

Khi một em bé chạy băng ngang trong khi bạn lái xe, nhờ adrenaline bạn có thể hãm xe lại với phản ứng "siêu nhanh". Hormone phóng ra nhanh như vậy cũng có lợi trong hoạt động trí não.

Sự cần thiết phải hoàn tất một công việc vào ngày mai tạo nên loại stress hưng phấn. Máu chảy nhiều hơn trong não, nhờ thế, hoạt động của não được thúc đẩy và hiệu năng đạt đến đỉnh cao.

Loại stress tốt như vậy giúp chúng ta tăng thêm năng lực trong kỳ thi, hoặc trong cuộc phỏng vấn tuyển dụng nhân viên.

Tuy nhiên, những loại kích thích như vậy, nếu lên quá cao có thể trở thành độc hại, gặm mòn nội lực. Hiện tượng này có thể so sánh với việc tiêu hoá. Để có thể tiêu hoá được thực phẩm, dạ dày tiết ra axit, nhưng nếu quá nhiều axit, dạ dày sẽ bị loét.

Vì sao lại đi đến chỗ quá "liều lượng" stress, trở thành tai hại?

Theo bác sĩ Patrick Légeron, chuyên gia tâm thần, thuộc bệnh viện Sainte Anna, Paris, khi nói đến stress quá độ, chúng ta nghĩ đến những biến cố quan trọng trong đời như: cái chết của một người thân, bị cho nghỉ việc, đau ốm nặng, hoặc những phiền muộn dai dẳng lo nghĩ về tiền bạc, những cuộc xung đột vợ chồng, gánh nặng công việc chồng chất. Thực ra, những dấu ấn nhỏ nhỏ hàng ngày như: nhận được một cú điện thoại làm bực mình, cãi nhau với con cái, người khác sai hẹn với mình... thường là loại stress ngấm ngấm, nếu tích lũy sẽ có tác động làm hỏng sức đề kháng của chúng ta.

Thông thường, chúng ta trải qua 3 đoạn đường phản ứng đối với stress.

1. Giai đoạn báo động, trong đó chúng ta phản ứng bằng cách tập trung để đối phó.

2. *Giai đoạn kháng cự, trong đó chúng ta tìm cách thích nghi và duy trì sự cố gắng.*

3. *Giai đoạn kiệt sức, trong đó chúng ta thấy nản lòng, cần nghỉ ngơi, cần sự giúp đỡ.*

Trong phân khai triển, tác giả đã lần lượt: a) giải thích thế nào là stress; b) phân biệt stress có lợi và stress có hại; c) nêu phác đồ phản ứng chung của cơ thể đối với stress.

**Phân kết thúc** thường tóm lược, tổng kết lại những luận điểm chính đã được trình bày trong phân khai triển. Đối với các văn bản nghiên cứu, phân kết luận có thể có những gợi ý mở ra hướng nghiên cứu tiếp theo. Xét theo ý nghĩa này, nó có thể vừa "đóng" vừa "mở".

Chẳng hạn, bài viết về stress trên đây kết thúc như sau:

*Trong sinh hoạt nghề nghiệp, một chút stress giúp chúng ta có hiệu lực hơn trong trí não và thể lực. Quá nhiều stress sẽ đưa đến sự giảm sút hiệu năng, gây trầm lẩn, thiếu tập trung, khó giải quyết vấn đề. Stress là người bạn đồng hành mà chúng ta không thể nào lẩn tránh, nhất là trong một thế giới xô bồ, vội vã như ngày nay. Vấn đề là chúng ta phải tạo cho mình một cuộc sống lành mạnh, vị tha, giàu lòng nhân ái, say mê với công việc. Có như vậy chúng ta mới thường xuyên có được những stress tích cực, hạn chế ở mức tối đa những stress tiêu cực.*

(Theo Trịnh Đình Khôi - *Những hiểu biết về stress*)

Hay ở bài viết đặt lại vấn đề liệu Marco Polo có thực sự đến Trung Hoa hay không, ta thấy phân kết thúc sau đây:

*Bảy thế kỷ sau, người ta vẫn khó mà phân biệt được sự thật với giả tưởng. Văn phong lạ lẫm trong quyển sách khiến người ta dễ ngờ vực. Nó không giống với một nhật ký du hành, mà đúng hơn là một quyển sách giáo khoa về sử địa. Nó ít ghi lại những lộ trình. Dù sao đi nữa, quyển "Mô tả thế giới" vẫn là một*

chứng vật- trực tiếp hoặc gián tiếp- quý giá về phương Đông thời ấy.

(Theo Minh Luận- Marco Polo chưa hề đến Trung Hoa?)

Việc tạo lập văn bản có thể được tiến hành qua các bước sau đây:

### 1.1.1. Xác định chủ đề chung và chủ đề bộ phận của văn bản.

Việc xác định chủ đề chung và các chủ đề bộ phận là bước đầu tiên cần tiến hành để văn bản có được tính **nhất thể** (unity). Đặc trưng này thể hiện ở chỗ tất cả những điều được trình bày ở các đoạn văn (với các chủ đề bộ phận khác nhau) đều phải nằm trong định hướng phục vụ cho chủ đề chung của văn bản. Hay nói một cách khác, chủ đề chung phải được thể hiện xuyên suốt qua toàn bộ văn bản, thông qua các chủ đề bộ phận. Nếu không như vậy, văn bản sẽ rời rạc, tản mạn, "dây cà dây muống" hay bị lạc đề.

Hãy thử phân tích chủ đề chung và chủ đề bộ phận trong văn bản sau đây:

#### *Điều trị chứng lo sợ*

*Các nhà nghiên cứu liệt kê được không dưới 6.500 chứng lo sợ. Từ chứng lo sợ khá phổ biến: sợ chỗ hoang vắng, đến sợ chỗ chật hẹp đóng kín, sợ chỗ cao quá, sợ máy bay, thang máy...*

*Có người sợ môi trường: nước, gió, giông, bão, đêm tối... Cũng có người sợ động vật, như nhện, rắn... Lại có người sợ một vài dạng sinh hoạt xã hội, biểu hiện qua sự rụt rè nơi công cộng, e thẹn đỏ mặt, sợ bắt tay người khác phái, sợ ăn trong nhà hàng, sợ người khác nhìn soi mói, sợ nói trước công chúng...*

*Đối với một số người, sự lo sợ như vậy làm họ căng thẳng, cảm thấy mất thể diện, xấu hổ, có thể kinh hoàng, khiến họ bị thiệt thòi trong đời sống xã hội, gia đình hoặc nghề nghiệp. Lâu dần, những người hay lo sợ như vậy, không để ý tìm người khác*

giúp sức giải quyết, đã để mọi việc diễn tiến theo chiều hướng tiêu cực, vì họ không nghĩ rằng chứng sợ hãi đó thật ra cũng là một dạng bệnh.

Theo bác sĩ Gérard Apperfolder, chuyên gia trong vấn đề này, hầu hết những chứng rối loạn lo sợ như vậy, bắt đầu trong khoảng từ 10 đến 35 tuổi, xảy đến với những người hay lo lắng, thụ động, đã từng gặp điều gì sợ hãi trong lúc tuổi thơ.

Nhờ máy quét hình (scanner) các nhà nghiên cứu đã phát hiện một sự bất thường nơi vùng xám ở giữa não. Ở những người bị xáo động ám ảnh liên tục không kìm hãm được, một vài vùng não, đặc biệt nhất là những nhân xám ở giữa, có chiều hướng rung động quá mức.

Hiện nay có 4 phương pháp điều trị chứng lo sợ này:

### 1. Dùng thuốc chống trầm cảm.

Trong những năm 1960, một số bệnh nhân trầm cảm được cho dùng thuốc này, và tình trạng cải thiện sau vài tuần điều trị. Từ đó đưa đến ý nghĩ dùng loại thuốc này để điều trị chứng thần kinh gây ám ảnh.

Tại Pháp, 3 dược liệu: clomipramine, fluoxétine và fluvoxamine đã được công nhận. Ba dược liệu khác sẽ được cho phép: paroxétine, citalopram, và sertraline (một dược liệu mới) đang được áp dụng tại Mỹ. Cứ hai bệnh nhân, có một người khỏi hẳn hoặc bớt nhiều.

### 2. Trị liệu bằng tâm lý.

Phương pháp này cũng dùng đến thuốc trầm cảm, nhưng có kèm theo sự khuyến khích, động viên của chuyên gia tâm lý, tập cho bệnh nhân quen dần với điều mà họ sợ. Kết quả đạt được từ 70 đến 90%. Tuy nhiên không phải dạng sợ hãi nào cũng có thể điều trị bằng cách tập cho quen (như sợ rắn...)

### 3. Trị liệu bằng phân tâm học.

Phương pháp này dùng điều trị chứng sợ hãi trong các môi giao tiếp, sinh hoạt xã hội. Bệnh nhân không dùng thuốc chống trầm cảm, nhưng được cho dùng các loại thuốc ngăn ngừa tim đập loạn hoặc run tay. Trong việc điều trị có sự giúp đỡ của nhà phân tâm học để giải quyết phần vô thức đã đưa bệnh nhân đến chỗ lo sợ. Phải bắt đầu áp dụng thử trong 1-2 tháng xem tiến triển thế nào, rồi mới theo đuổi phương pháp này từ 6 tháng đến vài năm.

#### 4. Trị liệu bằng cách đương đầu với thực tế.

Phương pháp này áp dụng cho các chứng lo sợ ở mức độ nhẹ, thông thường. Kết hợp với việc dùng thuốc chống trầm cảm, bệnh nhân tập nhìn vào khía cạnh thực tế của sự việc, lập lại trong trí những câu trấn an, hoặc nghĩ đến những hình ảnh êm dịu, rồi trực tiếp đương đầu với sự việc làm mình lo sợ.

Việc sớm điều trị chứng lo sợ là hết sức cần thiết. Cho đến nay, việc kết hợp các phương pháp kể trên có thể đem lại kết quả từ 70 đến 90%. Rất ít trường hợp tái phát, chỉ khi nào bệnh nhân gặp tình trạng căng thẳng quá độ.

(Đình Trục - Điều trị chứng lo sợ)

Chủ đề **chung** được nêu ở phần mở đầu: chứng lo sợ như là một dạng bệnh lý. Chủ đề này được phát triển bởi các chủ đề **bộ phận**: 1) Các biểu hiện của chứng lo sợ; 2) Những tác động tiêu cực của chứng lo sợ; 3) Căn nguyên của chứng lo sợ; 4) Những liệu pháp điều trị chứng lo sợ.

Phần kết thúc, ngoài việc thu tóm những ý chính, còn có chức năng cố kết chủ đề chung và các chủ đề bộ phận (đoạn "Việc sớm .... căng thẳng quá độ").

• Việc xác lập chủ đề chung và các chủ đề bộ phận có thể phụ thuộc vào nhiều nhân tố, chẳng hạn phụ thuộc vào **định hướng giao tiếp** (văn bản được viết cho đối tượng nào, nhằm mục đích gì...), phụ thuộc vào **tính phức tạp** của vấn đề được trình bày, mức độ chuyên môn v.v... Nhưng tựu trung lại, việc xác lập này

có thể dựa trên những quan hệ lô gích mang tính chủ quan hay khách quan sau đây:

### 1. Các quan hệ mang tính khách quan:

- Quan hệ có tính chất **nội tại** giữa đối tượng và các thành tố cấu thành đối tượng, chẳng hạn chủ đề chung là dân ca Việt Nam, các chủ đề bộ phận là dân ca Bắc bộ, dân ca Trung bộ, dân ca Nam bộ.

- Các quan hệ **lô gích khách quan**, tồn tại thực tế, chẳng hạn nguyên nhân - kết quả, điều kiện - tồn tại, quan hệ theo trình tự thời gian...

### 2. Các quan hệ mang tính chủ quan (thực chất là sự nhận thức, đánh giá, phân loại của người viết đối với các nội dung trình bày về đối tượng)

Chẳng hạn, các quan hệ có tính phân loại, đánh giá của người viết về đối tượng: các chủ đề bộ phận có đặc điểm, tính chất chung nào đó xét trong quan hệ với chủ đề chung, và được sắp xếp hoặc theo mức độ quan trọng, hoặc mức độ chuyên biệt v.v... Chẳng hạn, chủ đề chung là dân ca Việt Nam, chủ đề bộ phận là đặc trưng của dân ca được xác định qua các giai đoạn phát triển trong lịch sử; hay nếu chủ đề chung là những ảnh hưởng của người Indians bản địa đối với văn hoá Mỹ thì các chủ đề bộ phận có thể là: 1) sự vay mượn trong cách gọi tên một số địa danh, chủng loại sự vật; 2) sự kế thừa phương thức sản xuất một số hàng thủ công, mỹ nghệ bản địa; 3) sự kế thừa trong nghệ thuật trồng trọt và chăn nuôi v.v...

Cũng có thể xếp vào đây các quan hệ có tính **liên tưởng** giữa đối tượng với các đối tượng khác (đồng dạng, tương phản, liên đới) trong một môi trường tồn tại nào đó, cũng như các quan hệ đặc biệt về cảm xúc, tâm lý. Chẳng hạn, chủ đề chung là dân ca Việt Nam, các chủ đề bộ phận có thể là dân ca trong so sánh với âm nhạc cung đình ngày xưa và với âm nhạc hiện đại ngày

nay, hay chủ đề chung là dân ca Việt Nam, các chủ đề bộ phận là dân ca với cuộc sống lao động, dân ca với các phong tục hội hè, đình đám v.v...

Chủ đề chung và chủ đề bộ phận thường được trình bày ngay trong *phần mở đầu*, bởi những câu được gọi là **câu luận đề**. Câu luận đề thường nằm ở cuối phần mở đầu và có những nhiệm vụ sau đây:

- nêu chủ đề chung
- liệt kê các chủ đề bộ phận
- trong trường hợp cần thiết, có thể giới thiệu một cách tổng quát cách thức tổ chức văn bản.

Có thể nhận biết câu luận đề nhờ các đặc điểm sau đây:

**Về vị trí**, câu luận đề thường đứng cuối phần mở đầu.

**Về mặt nội dung**, nếu văn bản được mở đầu theo phương pháp quy nạp (đi từ các hiện tượng riêng lẻ, cá biệt đến những vấn đề chung, trừu tượng) thì câu luận đề là câu có nội dung rộng nhất, khái quát nhất trong phần mở đầu; còn nếu văn bản được mở đầu theo phương pháp diễn dịch (đi từ những vấn đề chung, khái quát đến những vấn đề riêng, cụ thể) thì câu luận đề lại là câu có nội dung cụ thể nhất, hẹp nhất.

Hãy chú ý đến cách nêu chủ đề chung và chủ đề bộ phận trong đoạn văn sau đây:

**Làng-Họ** : những vấn đề của quá khứ và hiện tại.

Một trong những tổ chức chính trị-xã hội mang đặc sắc Việt Nam là tổ chức Làng-Họ. Trong lịch sử lâu dài, Làng-Họ đã là một chỗ dựa vững chắc cho người Việt Nam thích ứng với nền sản xuất lúa nước ở đồng bằng và đương đầu với những thử thách gay go của miền đất nhiều bão lụt, thiên tai, của nạn ngoại xâm thường đe dọa áp tới. Việc lựa chọn làm cho làng định

*hình, ít khác nhau, ít thay đổi qua thời gian và không gian. Do đó, tổ chức Làng- Họ tạo ra trong cuộc sống những mẫu người, những cung cách làm ăn, ứng xử, sống thành nếp. Ngày nay, khi tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội trên quy mô rộng lớn chúng ta phải xét duyệt lại các tổ chức cũ, những giá trị cũ, thẩm định lại những khả năng thích ứng, hiện đại hoá để phù hợp thực tế ngày nay và tương lai.*

(Trần Đình Hượu - Đến hiện đại từ truyền thống)

Chủ đề chung là vấn đề làng họ Việt Nam. Các chủ đề bộ phận được nêu trong câu luận đề ở cuối đoạn văn, đó là các vấn đề:

- 1) Xét duyệt lại các tổ chức cũ;
- 2) Xét duyệt lại các giá trị cũ;
- 3) Thẩm định lại những khả năng thích ứng, hiện đại hoá để phù hợp với thực tế ngày nay và tương lai.

### **Bài tập 1:**

Hãy đọc văn bản được cho sau đây

1. Xác định chủ đề chung và các chủ đề bộ phận.
2. Có thể phân đoạn lại văn bản này được không? Hãy thử trình bày một cách phân đoạn của anh (chị).

### ***Bảo vệ môi sinh.***

*Môi sinh đang ở trong tình trạng báo động, nói một cách khẩn thiết: thiên nhiên đang kêu cứu. Thảm hoạ huỷ diệt đang đe dọa loài người. Nếu lương tri loài người đã thức tỉnh thì quả là đúng lúc.*

*Chẳng thế mà tháng 10 năm 1992, một hội nghị cỡ nguyên thủ quốc gia đã họp ở Riô Đê Gianêrô với chương trình nghị sự chỉ bàn về bảo vệ môi sinh. Và chúng ta gần như hàng tháng được nghe, đọc, nhìn từ các phương tiện thông tin đại chúng, nào*



là tầng ôzôn bị thủng, nào là thiên tai, lụt lội, núi lở, bão lốc...  
Tựa như thiên nhiên đang nổi giận và hậu quả khốc liệt của việc  
đổi xử tàn tệ với thiên nhiên đang diễn ra.

Từ những thập kỷ cuối của thế kỷ XX, sự gia tăng dân số,  
việc khai thác tài nguyên một cách vô tổ chức, việc tăng nhanh  
quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá, hoá học hoá nông nghiệp,  
tác động to lớn của con người vào thiên nhiên từ nhiều mặt mang  
tính toàn cầu, trong đó có vấn đề chất thải, đã ảnh hưởng sâu  
sắc đến sinh quyển, đụng chạm đến mọi quốc gia và quả đất là  
"ngôi nhà" chung của loài người.

Riêng năm 1970, con người đã sản ra 40 tỉ chất thải trong  
quá trình sản xuất và sinh hoạt. Tính đến cuối thế kỷ XX này,  
khối lượng chất thải sẽ lên đến 100 tỉ tấn / năm.

Sinh quyển, khí quyển, nguồn nước, tóm lại toàn bộ môi sinh  
bị nhiễm bẩn do kim loại và các hợp chất bị thải loại, phân bón,  
chất độc hoá học, các chất thải phóng xạ, nước thải công nghiệp,  
nông nghiệp và sinh hoạt. Những chất thải ở thể rắn, thể lỏng và  
thể khí không ngừng tăng lên.

Riêng chất thải ở thể rắn mỗi năm có tới 10-12 tỉ tấn. Chỉ  
một công dân Mỹ sống ở thành phố mỗi năm thải 1 tấn rác.

Mỗi năm lượng nước thải trên thế giới khoảng 1000 km<sup>3</sup>. Để  
xử lý khối lượng nước bẩn này cần một lượng nước sạch gấp 20  
lần. Như vậy là con người đã sử dụng một lượng đáng kể nguồn  
nước ngọt dự trữ của thiên nhiên có trong các ao hồ (40.000  
km<sup>3</sup>).

Hàng năm gần 10 triệu tấn dầu và các sản phẩm dầu mỏ đổ  
thải ra đại dương.

Do kết quả sử dụng nhiệt năng, mỗi năm khí quyển tiếp  
nhận 20 tỉ tấn khí cacbonic và các khí độc khác (đó là nguyên  
nhân chủ yếu gây nên các trận mưa bụi cacbonic).

Hậu quả là nửa cuối thế kỷ XX, sinh quyển đã trở nên tồi tệ  
rõ rệt. Ở một số nước và một số vùng rộng lớn, tình trạng ô nhiễm

**đã, thực sự là môi hiểm hoạ.** Trách nhiệm này thuộc về các nước công nghiệp phát triển; các nước này đã gây ra 2/3 sự nhiễm bẩn (trong số đó Hoa Kỳ gây ra 30%, các nước Tây Âu 20%).

Vấn đề bảo vệ sinh thái bao gồm nhiều mặt: bảo vệ sức khoẻ, kinh tế, giáo dục và nhiều vấn đề khác.

Hướng giải quyết có thể như sau:

-**Hướng thứ nhất:** Phát minh những thiết bị lọc, hạn chế sử dụng các nguyên liệu có chứa lưu huỳnh, tái sử dụng rác các loại

-**Hướng thứ hai:** Thay thế công nghệ sản xuất cổ truyền, bằng các "công nghệ sạch", không có chất thải độc hại

-**Hướng thứ ba:** Kiểm soát và phân bổ hợp lý các ngành công nghiệp gây nhiễm bẩn nhất (luyện kim đen và màu, công nghiệp dầu và hoá dầu, công nghiệp giấy) đối với môi sinh. Vấn đề môi sinh cần được giải quyết ở những quy mô khác nhau, trên quy mô thế giới, quy mô từng nước, từng ngành. Vấn đề này mang tính toàn cầu. Các nhà bác học cho rằng nhiệt độ không khí đã tăng 3 đến 4 độ C khiến cho khí hậu toàn cầu thay đổi đáng kể. Tầng ozôn đã bị rách, thủng hàng nghìn km<sup>2</sup>. Các nhà du hành vũ trụ có dịp được quan sát Trái đất từ vũ trụ đã ví Trái Đất như quả cầu bé nhỏ và mỏng manh.

Bảo vệ sinh quyển tức là bảo vệ cuộc sống của mỗi chúng ta.

(Đào Xuân Cường, Vũ Đình Hoạt - Địa lý giải trí)

## Bài tập 2:

Xác định chủ đề chung và chủ đề bộ phận của văn bản sau :

### **Sức khoẻ và thể dục**

Giữ gìn dân chủ, xây dựng nước nhà, gây dựng đời sống mới, việc gì cũng cần có sức khoẻ mới thành công. Mỗi một người dân yếu ớt, tức là cả nước yếu ớt, mỗi một người dân mạnh khoẻ, tức là cả nước mạnh khoẻ.

Vậy nên luyện sức khoẻ, bồi bổ sức khoẻ là bổn phận của một người dân yêu nước. Việc đó không tốn kém, khó khăn gì. Gái

trai, già trẻ ai cũng nên làm và ai cũng làm được. Mỗi ngày lúc ngủ dậy, tập một ít thể dục. Ngày nào cũng tập thì khí huyết lưu thông, tinh thần đầy đủ, như vậy là sức khoẻ.

Bộ giáo dục có nha thể dục, mục đích để khuyên và dạy cho đồng bào tập thể dục, đừng giữ gìn và bồi đắp sức khoẻ.

Dân cường thì quốc thịnh. Tôi mong đồng bào ta ai cũng gắng tập thể dục. Tự tôi, ngày nào tôi cũng tập.

Hồ Chí Minh

### Bài tập 3:

Căn cứ vào các **câu luận đề** được cho trong các đoạn mở đầu sau đây, hãy xác định chủ đề chung và các chủ đề bộ phận của văn bản:

1) Có lẽ trên thế giới hiếm có một đất nước nào vừa thật đa dạng mà cũng vừa thật thống nhất như Indônêxia. Sự đa dạng và thống nhất ấy được biểu hiện trên nhiều yếu tố: từ địa hình, khí hậu tới thành phần dân tộc, từ đời sống con người tới lịch sử văn hoá.

(Ngô Văn Doanh - Tâm lý hướng tới sự thống nhất trong đa dạng của người Indônêxia)

2) Soạn thảo và xử lý văn bản là một công việc quan trọng diễn ra hàng ngày trong tất cả các cơ quan hành chính nhà nước thuộc các ngành các cấp ở trung ương và địa phương. Công việc này có ảnh hưởng rất lớn đến năng suất và chất lượng của lao động quản lý.

(Nguyễn Văn Thâm - Soạn thảo và xử lý văn bản)

3) Trong báo cáo khoa học này, chúng tôi muốn khảo sát ảnh hưởng của Trung Quốc đối với Việt Nam trên hai lĩnh vực văn hoá và ngôn ngữ.

4) Chúng ta sống trong một thời đại mà loài người đang xích lại gần nhau và sự giao lưu văn hoá đang diễn ra trên toàn thế

giới. Không một sức mạnh nào có thể cản trở được chiều hướng này. Không một dân tộc nào có thể tồn tại và phát triển nếu không đặt mình trong sự tiến bộ chung, nếu không tiếp thu những thành tựu trí tuệ của nhân loại. Trên lĩnh vực văn hoá, sự tiếp nối giữa quá khứ và hiện tại, giữa Đông và Tây lại trở thành một vấn đề cấp thiết. Trong bối cảnh đó, việc đánh giá lại vai trò của Nho giáo trong lịch sử tư tưởng và ảnh hưởng của nó trong xã hội ngày nay đang có một ý nghĩa đặc biệt.

(Vũ Khiêu - Mấy vấn đề nghiên cứu Nho giáo ở Việt Nam)

5) *Tim hiểu quá trình hình thành nhận thức về đối tượng của folklore học, có thể nhận thấy có hai xu hướng trái ngược nhau: xu hướng miệt thị, lên án, và xu hướng khẳng định ca ngợi văn hoá dân gian.*

(Chữ Xuân Diên - Hai xu hướng nhận thức về văn hoá dân gian)

#### Bài tập 4:

Bằng cách thêm vào các **chủ đề bộ phận** thích hợp, hãy hoàn thiện các câu luận đề sau đây:

- 1) *Vai trò của phụ nữ đang được khẳng định ...*
- 2) *Một người thầy giáo cần phải có những phẩm chất quan trọng sau đây...*
- 3) *Tình trạng đói nghèo đang gây ra những hậu quả tiêu cực cho xã hội, chẳng hạn như...*
- 4) *Tuổi thọ trung bình của phụ nữ cao hơn nam giới bởi những lý do chủ yếu sau đây:...*
- 5) *Trong xã hội hiện đại, ngày càng có nhiều nhân tố thúc đẩy sự giao lưu văn hoá...*

Ví dụ mẫu:

1) *Vai trò của người phụ nữ ngày nay đang được khẳng định trong đời sống kinh tế, chính trị xã hội cũng như trong đời sống gia đình.*